

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2016/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 28 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Điều 3, Điều 15 và bãi bỏ khoản 10 Điều 3 Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015; bãi bỏ Điều 3 Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 và Điều 3 Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1165/TTr-STC ngày 20 tháng 05 năm 2016 về việc đề nghị ban hành sửa đổi, bổ sung Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum và báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 117/BC-STP ngày 17 tháng 5 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3, Điều 15 Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc

ban hành quy định một số nội dung về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi khoản 5 Điều 3 như sau:

“5. Giá rừng, giá cho thuê các loại rừng cụ thể trên địa bàn tỉnh Kon Tum:

Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính”

2. Bổ sung khoản 14, khoản 15 Điều 3:

“14. Giá tối thiểu tính thuế tài nguyên đối với một số loại tài nguyên khoáng sản; nước thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Kon Tum:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính”.

“15. Giá tối thiểu tính thuế tài nguyên đối với lâm sản rừng tự nhiên, thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với các loại lâm sản rừng trồng, vườn trồng trên địa bàn tỉnh Kon Tum:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính”.

3. Bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:

Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá:

Hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và dịch vụ cho thuê mặt bằng trong bến xe.

4. Sửa đổi số thứ tự khoản 14 Điều 3 thành khoản 16.

Điều 2. Bãi bỏ:

1. Khoản 10 Điều 3 Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định một số nội dung về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Điều 3 Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định giá tối thiểu làm cơ sở tính thuế tài nguyên đối với lâm sản rừng tự nhiên, thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với các loại lâm sản rừng trồng, vườn trồng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3. Điều 3 Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá tối thiểu tính thuế tài nguyên đối với một số loại tài nguyên khoáng sản; nước thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hữu Hải